

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đối tượng giảm học phí toàn khóa học
Diện: Sinh viên DTTS ở thôn/ bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Thông tư số 10/2016TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2003/QĐ-ĐHTN ngày 05/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc Ban hành Quy chế công tác sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ miễn, giảm học phí theo Thông báo số 1999/TB-ĐHTN ngày 05/10/2022 của Hiệu trưởng;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách 34 (Ba mươi tư) sinh viên là dân tộc thiểu số ở thôn/ bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo được giảm 70% (bảy mươi phần trăm) học phí toàn khóa học (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Thời gian thực hiện: từ Học kỳ I năm học 2022 - 2023.

Điều 3. Các ông Trưởng phòng CTSV, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng phòng Đào tạo đại học, Trưởng các Khoa đào tạo và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các d/v: Quản lý chất lượng; Thanh tra-PC;
- Trung tâm Thông tin (để đăng lên website Trường);
- Lưu: CTSV, VT.

KP. HIỆU TRƯỞNG



PHO HIỆU TRƯỞNG
PGS-TS. Nguyễn Văn Nam



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC GIẢM 70% HỌC PHÍ TOÀN KHÓA HỌC

(Áp dụng từ học kỳ I, năm học 2022 - 2023)

Điện: Sinh viên OTTS ở thôn/ bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng hải ngoại ven biển hải đảo.

(Theo Quyết định số 243/QĐ-DH-TN, ngày 09/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	KHOA	LỚP	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	DÂN TỘC	HỌ KHÁU THUỞNG TRÚ	GHI CHÚ
1	CNTY	Thủ Y K21A	21305093	Lê Thị Diễm My	03/12/2003	Tây	Thôn Ea Duát, xã EaWer, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	
2	CNTY	Thủ Y K22A	22305140	Lê Hoàng Bảo Anh	12/12/2003	Thổ	Thôn Nam Tiến, xã EaPô, huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông	
3	CNTY	Thủ Y K22B	22305082	Hoàng Văn Sang	02/11/2004	Nùng	Thôn 13, xã Cư Yang, huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk	
4	CNTY	Thủ Y K22B	22305083	Hà Thanh Sáng	12/06/2002	Thái	Thôn Thanh Xuân, Xã Ya Xiêr, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum	
5	KHTN&CN	Công nghệ Thông tin K21A	21103085	Tơ Rìs	10/02/2003	Xơ Đăng	Buôn Kon Wang, xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk	
6	Kinh tế	Kinh doanh Thương mại K21	21412022	Dương Thị Huệ	04/04/2003	Nùng	Thôn Ea Kning, xã Cuôr Knia, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	
7	Kinh tế	Kinh tế K20B	20410134	K Văn Nhân	21/10/2002	K'ho	Thôn 2, xã Đông Giang, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	
8	Kinh tế	Kinh tế Nông nghiệp K21	21401044	H'Đồng	02/06/2003	Mạ	Thôn 2, xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	
9	Kinh tế	Kinh tế Nông nghiệp K22	22401017	Mùa A Tủa	04/12/2004	Mông	Bản Hồng Ngải, xã Hồng Ngải, huyện Bắc Yên, Sơn La	
10	Kinh tế	Kế toán K22A	22403053	H'Kiểu Liêng	24/09/2003	M'nông	Buôn Biếp, xã Yang Tao, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk	
11	Kinh tế	Tài chính ngân hàng K22	22406020	Sao Ngọc Hoa Niê Kdâm	14/06/2004	Ê đê	Buôn Bu Yuk, xã Đắk Phoi, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk	
12	LLCT	Triết học K21	21608049	H'Su Yu MLô	28/10/2003	Ê đê	Xã Ea Hồ, thôn 4, Buôn Trang, Krông Năng, Đắk Lắk	
13	LLCT	Triết học K22	22608002	Y Ry Gon Long Dìng	23/05/2002	M'nông	Buôn Dong Blang, xã Krông Nô, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk	
14	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K22A	22702147	H Rut Ayun	05/11/2004	Ê đê	Buôn Trấp, xã Ea Tam, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	
15	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K22B	22702133	A Trúc	18/07/2004	Xơ Đăng	Thôn 8 (Kon Hnong Pêng), Xã Đắk Hring, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum	
16	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K22B	22702080	H Sa Cỏ Niê	01/06/2004	Ê đê	Thôn Tong Mai, Pong Drang, Krông Buk, Đắk Lắk	
17	Sư Phạm	Giáo dục Mầm non K22	22903045	H- Nghiêu	22/03/2004	M'nông	Bon PhiGLê, xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	
18	Sư Phạm	Giáo dục Mầm non K22	22903063	H Rì Na Ông	18/04/2003	M'nông	Buôn Dren A, xã Đắk Liêng, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk	

19	Sư Phạm	Giáo dục Tiểu học Jrai K22	22902008	H Tép Si Dững	30/04/2003	M'Nông	Buôn Ja, xã Bông Krang, huyện Lăk, tỉnh Đắk Lắk	
20	Sư Phạm	Giáo dục Tiểu học K22	22901031	Thị Ngoanh	23/03/2004	M'Nông	Bon Bu Mlanha, Đắk R'Tih, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông	
21	Sư Phạm	Giáo dục Tiểu học K22	22901054	H'Tuyết	25/01/2004	M'Nông	Thôn 2 (Bon Rơ Sóng), xã Đắk RMăng, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	
22	Sư Phạm	Văn học K21	21607032	Long Nay Ly Na Vy	21/08/2003	Jrai	Buôn Ea Mđhar 1B, xã EaNuól, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	
23	Sư Phạm	Văn học K22	22607026	H Phương Niê	02/09/2004	Ê đê	Buôn Hoang, xã Krông Jing, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk	
24	Y Dược	Điều dưỡng K22	22309003	H'Diêm	27/09/2004	Mạ	Thôn 3, xã Đắk Plao, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	
25	Y Dược	Điều dưỡng K22	22309041	A Lê H'Trúc	21/03/2004	Ê đê	Thôn Độc Lập B, xã Ea Chà Rang, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên	
26	Y Dược	Điều dưỡng K22	22309018	Lưu Thị Trúc Ly	31/08/2004	Nùng	Thôn 4, xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	
27	Y Dược	Xét nghiệm Y học K22	22311016	Rmah H'Kiêm	23/08/2004	Jrai	Thôn Plei Kte lớn A, xã Ia Yeng, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	
28	Y Dược	Y đa khoa K18A3	18307297	Trương Quốc Tân	30/06/1999	Chăm	Bình Nghĩa, Bắc Sơn, Thuận Bắc, Ninh Thuận	
29	Y Dược	Y đa khoa K21B	21307265	Nay Mỹ Thạch	26/03/2002	Jrai	Buôn Chư Krih, xã Chư Drăng, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	
30	Y Dược	Y đa khoa K22A	22307060	Nay Khang	30/03/2002	Jrai	Thôn Sôma Long B, xã Chrohponan, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	
31	Y Dược	Y đa khoa K22A	22307041	Danh Vũ Hảo	07/08/2003	Khmer	Áp Hôn Sóc, xã Thổ Sơn, huyện Hôn Đất, tỉnh Kiên Giang	
32	Y Dược	Y đa khoa K22A	22307045	Nông Thị Thu Hiền	29/03/2004	Tày	Thôn 4A, xã Cukbang, huyện EaSup, tỉnh Đắk Lắk	
33	Y Dược	Y đa khoa K22A	22307043	Trương Bích Hạnh	23/10/2004	Nùng	Thôn 4, xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	
34	Y Dược	Y đa khoa K22C	22307146	Chau Quý Sa	19/03/2003	Khmer	Tổ 11, ấp Vĩnh Tâm, xã Vĩnh Trung, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang	

Danh sách có: 34 sinh viên.